

**APPLYING THE PRINCIPLES
OF UNIVERSAL DESIGN
FOR LEARNING (UDL) IN TEACHING
VIETNAMESE SUBJECT
FOR STUDENTS WITH
INTELLECTUAL DISABILITIES
IN GRADE 2 INCLUSION**

Nguyen Thi Hoa

*Faculty of Special Education, Hanoi National
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Nguyễn Thị Hoa,
e-mail: nguyenthioa2983@yahoo.com

Received November 11, 2024.

Revised November 26, 2024.

Accepted December 11, 2024.

**ỨNG DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC
CỦA THIẾT KẾ PHỔ QUÁT CHO VIỆC
HỌC (UDL) TRONG DẠY HỌC
MÔN TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH
KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ
HỌC LỚP 2 HOÀ NHẬP**

Nguyễn Thị Hoa

*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư
phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hoa,
e-mail: nguyenthioa2983@yahoo.com

Ngày nhận bài: 11/11/2024.

Ngày sửa bài: 26/11/2024.

Ngày nhận đăng: 11/12/2024.

Abstract. Students with intellectual disabilities have developmental delays in many areas. During the learning process, students with disabilities have difficulty remembering and quickly forget the knowledge and skills they have learned. Students with intellectual disabilities have limitations in linguistic thinking, so they encounter many difficulties when learning Vietnamese subjects. Universal Design for Learning (UDL) is an approach used by many educators in the field of inclusive education. UDL allows for the provision of flexible teaching strategies and methods that meet the needs of students. This article presents the principles of UDL version 3.0 in 2024 and the application of the principles in teaching Vietnamese subjects to students with intellectual disabilities in grade 2 inclusion. Applications such as adjusting the way information is displayed, supporting many ways of receiving information, and illustrating lessons using many media... are illustrated through examples in specific lessons.

Keywords: Teaching Vietnamese, inclusive education, grade 2 inclusion, intellectual disability, Universal Design for Learning.

Tóm tắt. Học sinh khuyết tật trí tuệ (KTTT) có sự chậm trễ trong phát triển trong nhiều lĩnh vực. Trong quá trình học tập, học sinh KTTT khó nhớ và nhanh quên các kiến thức và kỹ năng được học. Học sinh KTTT có hạn chế trong tư duy ngôn ngữ nên các em gặp nhiều khó khăn khi học tập môn Tiếng Việt. Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning, UDL) là cách tiếp cận được nhiều nhà giáo dục trong lĩnh vực giáo dục hoà nhập sử dụng. UDL cho phép cung cấp chiến lược và phương pháp dạy học linh hoạt đáp ứng nhu cầu của học sinh. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã nghiên cứu các tài liệu lý luận và ứng dụng vào thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT. Bài viết này trình bày các nguyên tắc của UDL phiên bản 3.0 năm 2024 và việc ứng dụng các nguyên tắc này trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT học lớp 2 hoà nhập. Các ứng dụng như điều chỉnh cách hiển thị thông tin, hỗ trợ nhiều cách tiếp nhận thông tin, minh hoạ bài học bằng nhiều phương tiện... được minh hoạ thông qua các ví dụ trong các bài học cụ thể.

Từ khóa: dạy học môn Tiếng Việt, giáo dục hoà nhập, lớp 2 hoà nhập, khuyết tật trí tuệ, Thiết kế phổ quát cho việc học.

1. Mở đầu

KTTT ảnh hưởng đến các mặt khác nhau của học sinh trong đó có vấn đề nhận thức, đặc biệt là học tập các môn học. Để tạo cơ hội cho học sinh KTTT được tham gia vào các hoạt động của lớp học và nâng cao kết quả học tập của các em thì việc ứng dụng thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) đã được quan tâm nghiên cứu và cho thấy hiệu quả của cách tiếp cận này. Một số nghiên cứu về nội dung này có thể kể đến như: Neslihan và cộng sự (2020) trong bài viết “Developing Accessible Lesson Plans with Universal Design for Learning (UDL)” chỉ ra rằng có sự thành công trong việc sử dụng UDL trong đào tạo giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy và tạo môi trường học tập tốt cho học sinh [1]. Kavita và cộng sự (2017) trong bài viết “UDL and Intellectual Disability: What Do We Know and Where Do We Go?” chỉ ra rằng UDL có tiềm năng trong việc hỗ trợ học sinh KTTT trong môi trường giáo dục hoà nhập [2]. Amina Praveen và cộng sự (2024) với bài viết “The Use of UDL in an Inclusive Classroom: A Review Based Study” đã bàn về những khó khăn của học sinh có nhu cầu đặc biệt trong lớp học hoà nhập và cách sử dụng UDL để giải quyết những khó khăn này [3]. Như vậy các nghiên cứu về ứng dụng UDL cho học sinh KTTT trong lớp học hoà nhập đã được nghiên cứu nhưng những hướng dẫn áp dụng cho một môn học cụ thể lại chưa được thực hiện. Học sinh KTTT nghe hiểu hạn chế, khó khăn trong tư duy trừu tượng... nên các em gặp rất nhiều khó khăn trong học môn Tiếng Việt. Do đó việc ứng dụng UDL với những hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng các nguyên tắc trong dạy học tiếng Việt cho học sinh KTTT là vô cùng cần thiết. Ở bài viết này chúng tôi sẽ đưa ra những ví dụ hướng dẫn ứng dụng các nguyên tắc thiết kế phổ quát cho việc học UDL phiên bản 3.0 năm 2024 trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT học lớp 2 hòa nhập với những ví dụ minh họa dễ hiểu trong các bài học cụ thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm chính trong nghiên cứu

KTTT là một rối loạn diễn ra trong suốt quá trình phát triển, bao gồm sự thiếu hụt cả về chức năng trí tuệ và hành vi thích ứng trong các lĩnh vực khái niệm, xã hội và các lĩnh vực thực hành (DSM 5, 2013) [4].

Giáo dục hòa nhập là một quá trình liên tục nhằm cung cấp một nền giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người, tôn trọng sự đa dạng và những khác biệt về nhu cầu, khả năng, đặc điểm và kì vọng trong học tập của các em học sinh và cộng đồng và loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử [5].

Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) là “một khung làm việc nhằm cải thiện và tối ưu hóa việc dạy và học cho tất cả mọi học sinh dựa trên những hiểu biết khoa học về cách con người học tập” [6].

2.2. Đặc điểm nhu cầu của học sinh KTTT trong môn Tiếng Việt

Do yếu về tư duy nên học sinh KTTT có sự hạn chế về khả năng tìm ra những dấu hiệu cơ bản nhất của sự việc và hiện tượng cần ghi nhớ, đặc biệt trong hoạt động học tập, học sinh KTTT thường khó khăn trong việc ghi nhớ kiến thức. Ngoài ra học sinh KTTT cũng có khó khăn trong trí nhớ ngôn ngữ [7]. Do đó để các em ghi nhớ được các nội dung của môn học tiếng Việt cần tăng cường trực quan, đa dạng hình thức tổ chức dạy học, tăng cường luyện tập cho các em.

Đối với học sinh khuyết tật trí tuệ, do chức năng trí tuệ và khả năng thích ứng bị suy giảm nên các em gặp rất nhiều khó khăn trong học tập nói chung và học tiếng Việt nói riêng. Vì vậy, để giúp học sinh hoàn thành chương trình môn Tiếng Việt ở bậc tiểu học cần có những điều chỉnh phù hợp về mục tiêu, nội dung và đặc biệt là phương pháp, phương tiện giáo dục [8].

Học sinh KTTT thường gặp khó khăn ở nhiều môn học, đặc biệt là môn Tiếng Việt và Toán. Học sinh khuyết tật trí tuệ gặp khó khăn trong việc giải mã từ, từ vựng, hiểu và suy luận ngôn ngữ [9]. Các em cần được học thông qua trực quan, sơ đồ hoá và ứng dụng trong thực tiễn để giảm bớt những khó khăn này.

Kĩ năng viết của học sinh khuyết tật trí tuệ có những hạn chế nhất định và liên quan chặt chẽ đến khả năng ngôn ngữ. Học sinh khuyết tật trí tuệ còn hạn chế ở cả 3 giai đoạn theo yêu cầu của Chương trình, trong đó hạn chế nhất là thiếu ý tưởng trong bài viết, câu văn không rõ ràng hoặc đơn điệu, từ vựng kém, không rõ ràng và cấu trúc không đầy đủ [10]. Sơ đồ hoá (sơ đồ tư duy), luyện tập thường xuyên... là điều học sinh cần để cải thiện khó khăn này.

Với những khó khăn và nhu cầu trên của học sinh KTTT trong môn Tiếng Việt, việc ứng dụng UDL trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT là vô cùng cần thiết.

2.3. Thiết kế phổ quát cho việc học UDL phiên bản 3.0 năm 2024

2.3.1. Khái quát chung về UDL

Thiết kế phổ quát được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, trong đó có lĩnh vực giáo dục. UDL cung cấp các hướng dẫn chi tiết để giáo viên có thể xác định được các mục tiêu dạy học, phương pháp dạy học, tài liệu học tập, cách đánh giá phù hợp với tất cả mọi học sinh. UDL là một phương thức thiết kế dạy học cung cấp cho tất cả học sinh cơ hội bình đẳng để học tập trong môi trường hòa nhập thông qua các phương pháp tiếp cận linh hoạt (UNICEF, 2014) [11].

Tất cả các phương pháp tiếp cận tập trung vào việc cung cấp cơ hội tiếp cận học tập cho các học sinh đa dạng chính là UDL. Phương pháp này sẽ giúp giáo viên có thể thiết kế các bài học đáp ứng nhu cầu và hỗ trợ cho toàn bộ học sinh trong lớp với những trình độ, khả năng, sở thích đa dạng của các em. UDL do đó rất có ích trong các lớp học có học sinh khuyết tật học hòa nhập vì giúp cung cấp các bài học vừa đem lại cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật nhưng cũng đem lại cơ hội giáo dục chất lượng cao cho tất cả trẻ em.

UDL nhằm mục đích sử dụng nhiều phương pháp, chiến lược dạy học đa dạng và nguồn lực khác nhau để loại bỏ các rào cản trong học tập, mang đến cơ hội học tập công bằng, khả năng tiếp cận, sự tham gia cho mọi HS. Do đó, trong môi trường giáo dục hòa nhập, UDL hướng tới đảm bảo giáo dục hòa nhập có chất lượng, công bằng và bền vững.

2.3.2. Đặc điểm của bản hướng dẫn thiết kế phổ quát cho việc học UDL phiên bản 3.0 năm 2024

So với phiên bản 2.2. năm 2018, phiên bản 3.0 năm 2024 có những thay đổi quan trọng sau:

- Thay đổi thuật ngữ “cung cấp (provide)” thành “thiết kế (design)” cho cả ba nguyên tắc và tất cả chín nguyên tắc cụ thể, đồng thời sử dụng các động từ cho thấy các nguyên tắc của UDL là một công cụ có thể dùng cho cả người học và nhà giáo dục.

- Thay đổi thuật ngữ “kiểm tra (checkpoints)” thành “cân nhắc (considerations)” vì các nguyên tắc của UDL không phải là “một danh sách (checklist) kiểm tra” mà nó là những “cân nhắc” để nhà giáo dục có thể ứng dụng. Tức là chúng ta có thể cân nhắc ứng dụng một số hướng dẫn chứ không nhất thiết phải ứng dụng tất cả các hướng dẫn trong cùng một bài học.

- Thuật ngữ “truy cập (access)” vẫn được giữ nguyên, thuật ngữ “xây dựng (build)” được đổi tên thành “hỗ trợ (support)” nhằm thể hiện rõ hơn vai trò của việc hỗ trợ trong quá trình học tập [6].

2.3.3. Nội dung các nguyên tắc của thiết kế phổ quát cho việc học UDL phiên bản 3.0 năm 2024

Nguyên tắc 1: Thiết kế cách trình bày thông tin đa dạng

(Lưu ý: G = Guideline = Hướng dẫn, C= Consideration= Cân nhắc, là ký hiệu của CAST, 2024)

Thiết kế nhiều tùy chọn cho nhận thức (G1)	Thiết kế nhiều tùy chọn cho ngôn ngữ và biểu tượng (G2)	Thiết kế nhiều tùy chọn cho phát triển nhận thức (G3)
C 1.1: Hỗ trợ nhiều cơ hội để điều chỉnh cách hiển thị thông tin	C 2.1: Làm rõ vốn từ, biểu tượng và cấu trúc ngôn ngữ	C 3.1: Kết nối hiểu biết cũ với kiến thức mới

C 1.2: Hỗ trợ nhiều cách tiếp nhận thông tin C 1.3: Thể hiện đa dạng các quan điểm và bản sắc.	C 2.2: Hỗ trợ giải mã văn bản, các kí hiệu và biểu tượng toán học C 2.3: Trau dồi việc hiểu và tôn trọng ngôn ngữ và phương ngữ C 2.4: Giải quyết những thành kiến trong sử dụng ngôn ngữ và biểu tượng C 2.5: Minh hoạ qua nhiều phương tiện.	C 3.2: Làm nổi bật và khám phá các mô hình, đặc trưng quan trọng, ý tưởng lớn và các mối quan hệ C 3.3: Phát triển nhiều cách hiểu và tạo kinh nghiệm C 3.4: Tối đa hoá việc chuyển giao và khái quát hoá thông tin.
---	---	--

Nguyên tắc 2: Thiết kế đa dạng cách tham gia hoạt động và đa dạng cách thể hiện cho học sinh

Thiết kế nhiều tùy chọn cho sự tương tác (G4)	Thiết kế nhiều tùy chọn cho sự thể hiện và giao tiếp (G5)	Thiết kế nhiều tùy chọn cho phát triển mang tính chiến lược (G6)
C 4.1: Thay đổi và tôn vinh các phương pháp phản hồi, điều hướng và di chuyển C 4.2: Tối ưu hóa quyền truy cập vào các tài liệu có thể truy cập cũng như các công nghệ và công cụ hỗ trợ và dễ tiếp cận.	C 5.1: Sử dụng đa dạng phương tiện giao tiếp C 5.2: Sử dụng đa dạng công cụ để thiết lập giao tiếp, tạo câu và sáng tạo trong quá trình giao tiếp. C 5.3: Xây dựng sự trôi chảy với sự hỗ trợ đối với việc thực hành và thể hiện C 5.4: Giải quyết những thành kiến liên quan đến cách diễn đạt và giao tiếp.	C 6.1: Thiết lập các mục tiêu có ý nghĩa C 6.2: Dự đoán và lập kế hoạch cho những thách thức C 6.3: Tổ chức thông tin và nguồn lực C 6.4: Nâng cao năng lực giám sát tiến độ.

Nguyên tắc 3: Thiết kế sự đa dạng trong cách tham gia của học sinh

Thiết kế nhiều tùy chọn cho sự đón nhận sở thích đặc biệt và sự khác biệt (G7)	Thiết kế nhiều cách duy trì sự cố gắng và kiên trì (G8)	Thiết kế nhiều cách để phát triển năng lực cảm xúc (G9)
C 7.1: Tối ưu hóa quyền lựa chọn và quyền tự chủ C 7.2: Tối ưu hóa mức độ liên quan, giá trị và tính xác thực C 7.3: Nuôi dưỡng niềm vui và sự vui chơi C 7.4: Giải quyết những thành kiến, mối đe dọa và sự phiền nhiễu	C 8.1: Làm rõ ý nghĩa, mục đích của mục tiêu C 8.2: Tối ưu hóa thử thách và hỗ trợ C 8.3: Thúc đẩy sự hợp tác, phụ thuộc lẫn nhau và học theo nhóm C 8.4: Nuôi dưỡng sự gắn kết và tập thể C 8.5: Đưa ra phản hồi theo định hướng hành động	C 9.1: Nhận biết những kỳ vọng, niềm tin và động lực C 9.2: Phát triển sự tự nhận thức và nhận thức về người khác C 9.3: Thúc đẩy sự phản hồi cá nhân và tập thể

(Nguồn: Theo Trung tâm Công nghệ Ứng dụng Đặc biệt tại Hoa Kỳ
(Center for Applied Special Technology - CAST), 2024) [6].

2.4. Minh hoạ ứng dụng các nguyên tắc của thiết kế phổ quát cho việc học UDL phiên bản 3.0 vào dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT học lớp 2 hoà nhập

Phần này minh hoạ cách ứng dụng một số nguyên tắc của UDL phiên bản 3.0 vào dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh KTTT học lớp 2 hoà nhập.

2.4.1. Đặc điểm của học sinh liên quan đến môn Tiếng Việt

Họ tên: N.H.Đ Tuổi: 7
Lớp: 2 Trường: Tiểu học KĐ
Dạng tật: KTTT Năm học: 2024- 2025

* Về đọc: Đ đọc trơn được các tiếng chứa vần đơn. Các tiếng chứa vần ghép thường phải đánh vần trước khi đọc. Em đọc chậm, chưa lưu loát và chưa biết ngắt nghỉ đúng chỗ. Khi đọc đôi khi em bỏ sót từ. Em đọc còn nhỏ.

* Về đọc hiểu: Đ có thể trả lời được một số câu hỏi dễ trong bài như: tên bài, tên tác giả, tên nhân vật. Em chưa có kĩ thuật tìm nội dung liên quan đến câu hỏi nên chưa biết cách trả lời các câu hỏi về nội dung bài đọc. Đ hiểu hình ảnh tốt hơn ngôn ngữ lời nói và chữ viết.

* Về viết: Đ có thể cầm bút đúng cách nhưng chưa chắc tay. Nét viết của em còn hơi mờ và chưa đều. Đ biết nhìn chép từ bảng hoặc từ sách vào vở. Đối với chính tả nghe viết em còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều từ cô phải đánh vần lại vài lần em mới viết được. Em viết khá nhanh và câu thả.

Đ khó nhớ và nhanh quên. Một nội dung kiến thức cần phải nhắc đi nhắc lại, luyện tập đi luyện tập lại nhiều lần cho Đ. Em có thể hợp tác với bạn nhưng còn khá thụ động, cần bạn giúp đỡ nhiều. Em cần được chỉ dẫn từng bước cho các nhiệm vụ cũng như cần sự hỗ trợ và giám sát của thầy cô và bạn bè.

2.4.2. Ứng dụng các nguyên tắc của UDL phiên bản 3.0 vào dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 cho Đ

Phần này chúng tôi lựa chọn minh hoạ ứng dụng một số nguyên tắc của UDL phiên bản 3.0 vào dạy học môn Tiếng Việt. Các ví dụ được lấy từ các bài trong sách *Cánh Diều*, là bộ sách Đ đang học.

Một số nội dung nguyên tắc 1 của UDL	Ví dụ ứng dụng
C 1.1: Hỗ trợ nhiều cơ hội để điều chỉnh cách hiển thị thông tin	Bài 3 <i>Bạn bè của em</i> , bài đọc 1 <i>Chơi bán hàng</i> (SGK trang 22), giáo viên có thể cho học sinh xem tranh trong sách theo hình thức cá nhân, xem tranh trên tivi hoặc máy chiếu theo hình thức tập trung toàn lớp. Với Đ, thông tin được hiển thị theo nhiều cách giúp em hứng thú hơn. Hơn nữa thông tin được nhắc lại nhiều lần cũng phù hợp với cách học của Đ. Khi cho Đ đọc các bài đọc, giáo viên dùng bút vạch 1 vạch chỗ dấu phẩy và 2 vạch chỗ dấu chấm để hỗ trợ Đ ngắt nghỉ đúng chỗ khi đọc.
C 1.2: Hỗ trợ nhiều cách tiếp nhận thông tin	Bài 3 <i>Bạn bè của em</i> (SGK trang 21), phần chia sẻ: Ngoài nói tên trò chơi để học sinh tiếp thu bằng thính giác, giáo viên dùng tranh ảnh và video trò chơi để Đ nhận biết bằng thị giác. Giáo viên cho Đ thử chơi một số trò chơi để Đ tiếp thu bằng cảm giác vận động và thông qua trải nghiệm. Thông qua cách tiếp cận thông tin đa giác quan sẽ giúp Đ ghi nhớ thông tin tốt hơn.
C 2.5: Minh hoạ qua nhiều phương tiện	Bài tập sắp xếp các từ vào các nhóm: chỉ người, chỉ vật, chỉ thời gian (SGK trang 23). Giáo viên có thể cho học sinh nói các từ trên quả lê với các giỏ (chỉ người, chỉ vật, chỉ thời gian) tương ứng; Chơi trò chơi hái quả vào giỏ trên máy tính; Sắp xếp các thẻ từ rơi vào các giỏ tương ứng; Dùng bút màu khoanh các quả lê theo nhóm (màu đỏ cho từ chỉ người, màu vàng cho từ chỉ vật, màu xanh cho từ chỉ thời gian; Phiếu bài tập nói từ... Bằng cách minh hoạ bằng nhiều phương tiện: tranh ảnh, video trò chơi, phiếu bài tập... sẽ giúp Đ được luyện tập đi luyện tập lại nhiều lần giúp em ghi nhớ kiến thức tốt hơn.

	Đối với các câu hỏi đọc hiểu của các bài đọc, giáo viên hướng dẫn Đ dùng bút nhớ gạch các nội dung cần trả lời. Ví dụ gạch vào tên bài, tên tác giả, tên nhân vật, nội dung chính liên quan đến câu hỏi... Việc làm nổi bật thông tin theo cách này giúp Đ dễ dàng tìm câu trả lời hơn.
C 3.1: Kết nối hiểu biết cũ với kiến thức mới	Trong hoạt động kiểm tra bài cũ ở Bài 4 <i>Em yêu trường em</i>, bài đọc 1 <i>Giờ ra chơi</i> (SGK trang 31), giáo viên yêu cầu Đ đọc bài Mít làm thơ và trả lời câu hỏi: “Theo lời Hoa Giấy, hai tiếng bắt vần với nhau là hai tiếng như thế nào?”. Học sinh trả lời câu hỏi này để chuẩn bị cho việc tìm những tiếng bắt vần với nhau trong bài thơ <i>Giờ ra chơi</i>.
C 3.4: Tối đa hoá việc chuyển giao và khái quát hoá thông tin	Phản luyện tập của bài 4 <i>Em yêu trường em</i>, bài đọc 1 <i>Giờ ra chơi</i> (SGK trang 31), ngoài tìm các tiếng bắt vần với nhau trong bài thơ, giáo viên yêu cầu Đ tìm các tiếng bắt vần với nhau ngoài bài thơ. Sau khi học sinh hoàn thành bài tập sắp xếp các từ vào các nhóm: chỉ người, chỉ vật, chỉ thời gian (SGK trang 23), giáo viên cho học sinh tìm các từ chỉ người, chỉ vật, chỉ thời gian không có trong bài đọc. Bằng cách này sẽ giúp tăng cường khả năng chuyển giao và khái quát hoá thông tin của học sinh. Đối với Đ việc này càng quan trọng vì khả năng khái quát hoá kiến thức của em còn hạn chế.
Một số nội dung nguyên tắc 2 của UDL	Ví dụ ứng dụng
C 5.1: Sử dụng đa dạng phương tiện giao tiếp	Bài 3 <i>Bạn bè của em</i> , bài đọc 1 <i>Chơi bán hàng</i> (SGK trang 22), khi đọc bài cho học sinh nghe, giáo viên kết hợp dùng lời nói, hình ảnh để minh hoạ. Ngoài ra giáo viên có thể sử dụng cử chỉ điệu bộ để minh hoạ một số từ như: nhật, bê, ăn... Việc minh hoạ kết hợp bằng nhiều phương tiện giao tiếp giúp học sinh, đặc biệt là Đ hứng thú và dễ hiểu hơn.
C 5.3: Xây dựng sự trôi chảy qua việc thực hành và thể hiện	Phản luyện đọc của tất cả các bài đọc, giáo viên tổ chức cho học sinh luyện đọc theo nhiều hình thức khác nhau như: Đọc cá nhân, đọc nhóm đôi, đọc đồng thanh, thi đọc (giữa cá nhân, giữa các tổ)... Luyện đọc nhiều lần với nhiều hình thức giúp học sinh hứng thú với việc đọc hơn, giúp các em đạt được sự trôi chảy và được thể hiện bản thân theo nhiều cách thức khác nhau. Việc luyện đọc nhiều lần với nhiều hình thức đặc biệt phù hợp với Đ.
C 6.1: Thiết lập các mục tiêu có ý nghĩa	Bài 3 <i>Bạn bè của em</i>, bài đọc 2 <i>Mít làm thơ</i> (SGK trang 25). Mục tiêu đưa ra cho Đ phù hợp với khả năng và có ý nghĩa: - Yêu cầu cần đạt về đọc thành tiếng cho học sinh cả lớp: + Đọc trơn toàn bài + Nghỉ hơi đúng sau các dấu chấm, phẩy, dấu hỏi, dấu gạch ngang + Phân biệt lời kể chuyện với lời nhân vật. - Yêu cầu cần đạt về đọc thành tiếng cho Đ: + Đọc trơn đoạn 1 + Đọc đủ các từ, không bỏ sót + Đọc to.

Một số nội dung nguyên tắc 3 của UDL	Ví dụ ứng dụng
C 7.1: Tối ưu hóa quyền lựa chọn và quyền tự chủ	Trong bài 2 <i>Thời gian của em</i> , bài đọc 2 <i>Một ngày hoài phí</i> (SGK trang 17), vì tốc độ đọc của Đ chậm hơn các bạn nên giáo viên cho Đ được đọc một trong hai đoạn của bài. Giáo viên cho em được tự chọn đọc đoạn 1 hoặc đoạn 2 tùy theo ý thích của em. Với các bài khác, tùy mức độ dài ngắn của đoạn mà giáo viên cho Đ lựa chọn đoạn để đọc.
C 7.3: Nuôi dưỡng niềm vui và sự vui chơi	Ở bài 3 <i>Bạn bè của em</i> , bài đọc 1 <i>Chơi bán hàng</i> , giáo viên có thể tổ chức cho học sinh chơi bán hàng với các đồ dùng sẵn có như: sách, bút, thước... Thông qua vui chơi, giúp các em học sinh có được niềm vui và sự hứng thú. Trò chơi giúp Đ phát triển hứng thú hơn với việc học và phát triển các kỹ năng giao tiếp, tương tác xã hội.
C 8.1: Làm rõ ý nghĩa, mục đích của mục tiêu	Trong tất cả các bài đọc hay bài tập, giáo viên nói trước cho học sinh những điều giáo viên mong muốn. Ví dụ: Các em đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ. Hoặc “Đ đọc to, chỉ tay theo từng chữ khi đọc, tránh bỏ sót từ”.
C 8.3: Thúc đẩy sự hợp tác, phụ thuộc lẫn nhau và học theo nhóm	Giáo viên sử dụng hình thức bạn hỗ trợ để tăng cường sự tham gia của Đ vào bài học. Ví dụ trong các bài đọc, giáo viên cho Đ đọc cặp đôi cùng một bạn khác (Bạn đọc cho Đ nghe, sau đó Đ đọc cho bạn nghe). Nếu Đ mắc lỗi khi đọc bạn sẽ sửa lỗi cho Đ. Tương tự như vậy với các bài viết, bạn hỗ trợ có thể giúp đánh vần các tiếng khó cho Đ viết. Hay đối với phần đọc hiểu, câu hỏi nào Đ chưa tự trả lời được, giáo viên gọi một bạn trả lời sau đó gọi Đ nhắc lại câu trả lời của bạn. Đối với các hoạt động nhóm, giáo viên cho Đ tham gia với vai trò phù hợp. Ví dụ: Bài 7 <i>Thấy cô của em</i> , bài 1 phần luyện tập (SGK trang 58): Giáo viên cho hai nhóm mỗi nhóm 5 học sinh tham gia chơi trò chơi dán các từ vào các nhóm từ chỉ hoạt động của cô giáo, từ chỉ hoạt động của học sinh. Trong quá trình chơi các bạn trong nhóm hỗ trợ Đ tìm từ. Nếu Đ không tìm được, các bạn sẽ tìm và cho Đ lên dán.
C 9.3: Thúc đẩy sự phân hời cá nhân và tập thể	Trong bài 5 <i>Ngôi nhà thứ hai</i> , phần luyện tập của bài đọc 1 <i>Cái trống trường em</i> (SGK trang 41), sau khi hai nhóm xếp các từ chỉ hoạt động, cảm xúc của nhân vật “trống” vào ô thích hợp, giáo viên yêu cầu từng bạn nói câu theo mẫu: Ai làm gì, ai như thế nào với các từ đã sắp xếp được.

3. Kết luận

Thiết kế phổ quát cho việc học UDL có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với học sinh cả lớp nói chung và học sinh KTTT học hoà nhập nói riêng. Trong môn học tiếng Việt, UDL tạo cơ hội cho học sinh KTTT được học với những chỉ dẫn trực quan, được tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh, được khái quát hoá kiến thức trong thực tiễn... Những hỗ trợ của UDL giúp học sinh KTTT dễ dàng tiếp cận môn Tiếng Việt hơn. Những ứng dụng các nguyên tắc của UDL cho môn Tiếng Việt cho một trường hợp học sinh KTTT học lớp 2 hoà nhập sẽ giúp giáo viên có những ví dụ minh họa cụ thể để hiểu về UDL và tiếp tục sáng tạo các ứng dụng vào môn học tiếng Việt và các môn học khác. Đồng thời giúp học sinh KTTT có cơ hội được tiếp cận nội dung chương trình và được phát triển kiến thức, kỹ năng tốt hơn. Tiếp sau nghiên cứu này sẽ là thực nghiệm ứng dụng các nguyên tắc của UDL trên những bài dạy môn Tiếng Việt cụ thể dành cho Đ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Neslihan U. Unal, Muhammed A. Karal and S. Tan, (2020). Developing Accessible Lesson Plans with Universal Design for Learning (UDL). *International Journal of Developmental Disability*. 1442-1456. doi.org/10.1080/1034912X.2020.1812539.
- [2] Rao K, Sean JS & Alisa Lowrey K, (2017). UDL and Intellectual Disability: What Do We Know and Where Do We Go? *International Journal of Developmental Disability*, 55 (1), 37–47.
- [3] A. Praveen et al (2024), The Use of UDL in an Inclusive Classroom: A Review Based Study, *International Journal for Multidisciplinary Research*, 6 (4), E-ISSN: 2582-2160.
- [4] American Psychiatric Association (2013). *The Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*, Fifth Edition.
- [5] UNESCO Việt Nam (2015). *Bộ tài liệu tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục hòa nhập*, Hà Nội.
- [6] <https://udlguidelines.cast.org/more/downloads/>
- [7] NTH Yên & ĐT Thảo (2010), *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [8] PH Thương, (2021). Dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khuyết tật trí tuệ cấp tiểu học, *Tạp chí Giáo dục*, 502 (Kì II tháng 5): 12-16.
- [9] PH Thương (2021). Một số rào cản trong hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu của học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập cấp tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 507 (I/8), 24-28.
- [10] NTC Hường, PT Ngân (2024). Thực trạng phát triển kỹ năng viết văn bản cho học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 2. *Tạp chí Giáo dục*, 24(19): 30-35.
- [11] UNICEF (2014). *Access to School and the Learning Environment II – Universal Design for Learning – Webinar 11 – Companion Technical Booklet*.
- [12] *Sách Tiếng Việt 2*, *Sách Cánh diều*. NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.